

Bản án số: 20/2025/HS-ST.

Ngày: 21 - 3 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS, ngày 24 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Văn S, sinh năm 1995 tại VL.

Nơi cư trú: Số nhà 89, đường T, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Võ Thị P; vợ là Võ Thị Tuyết N (không có đăng ký kết hôn); bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố V phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Năm 2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long phạt 01 năm tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”; Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long phạt 01 năm 06 tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”; bị bắt tạm giữ ngày 31/10/2024 và chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt.

- **Người bị hại:** Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 40, Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Võ Thị Thùy T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 11, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Võ Thị Tuyết N, sinh năm 2001; nơi cư trú: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 01 giờ ngày 31/10/2024, Võ Văn S, sinh năm 1995; cư ngụ số 89, đường T, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đi bộ từ nhà đến Công viên Đài truyền hình Vĩnh Long thuộc Phường B, thành phố V để tăng bộ và chơi game trên điện thoại. Khi đi ngang trước nhà của chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1983; tại địa chỉ số 40, Khóm H, Phường N, thành phố V, S thấy cửa nhà trên tầng 01 không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, S trèo lên cây xanh trên vỉa hè trước nhà, rồi từ cây xanh bước qua tầng 01 đột nhập vào nhà. Sang từ tầng 01 xuống tầng trệt đi về phía phòng khách thì phát hiện một balo để dưới bàn bên tay trái, lục lấy 01 cọc tiền Việt Nam, 01 mặt dây chuyền vàng hình con cá, 01 chiếc nhẫn vàng để vào túi quần sau, rồi tiếp tục đi ra phía sau nhà bếp, phát hiện trên bàn ăn có 03 điện thoại di động (01 điện thoại Samsung S21 UTRA; 01 điện thoại Samsung A73; 01 điện thoại hiệu POCO), S lấy cất vào túi quần và đi lên tầng 01 trèo qua cây xanh xuống đất. S đi bộ về nhà lấy xe mô tô chạy xuống nhà vợ tên Võ Thị Tuyết N, sinh năm 2001; cư ngụ ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, lúc này trời đã sáng. S chở N đến khu công nghiệp P, huyện H để N đi làm. Sau đó, S điều khiển xe chạy về hướng chợ Y, huyện H đến tiệm vàng C; tại địa chỉ: Ấp Y, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long bán 01 mặt dây chuyền vàng và 01 nhẫn vàng được 4.800.000 đồng. Sau đó, S tiếp tục điều khiển xe chạy đến tiệm điện thoại H; tại địa chỉ: Số 11, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để bán 03 điện thoại di động được số tiền 3.700.000 đồng. Lúc này, S lấy số tiền trộm được và số tiền bán vàng, bán điện thoại cộng lại được 14.000.000 đồng, S nhờ chủ tiệm điện thoại H chuyển vào tài khoản của S tại ngân hàng V.

Sau khi được chị T trình báo sự việc. Cơ quan CSĐT Công an thành phố V kết hợp với Công an Phường B, thành phố V tiến hành xác minh và mời S về làm việc thì S biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định tạm giữ đối với Võ Văn S về hành vi trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố V, kết luận điện thoại di động hiệu POCO C40 màu vàng, đã qua sử dụng, có giá trị là 1.047.000 đồng; điện thoại di

động hiệu Samsung A73 5G, màu xám, đã qua sử dụng, có giá trị là 3.500.000 đồng; điện thoại di động hiệu Samsung S21 UTRA 5G, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 11.495.000 đồng, mặt dây chuyền vàng loại 24K, trọng lượng 01 chỉ có giá trị là 8.830.000 đồng; Nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng 05 phân có giá trị là 3.345.000 đồng. Tổng cộng là 28.217.000 đồng (*Hai mươi tám triệu hai trăm mười bảy ngàn đồng*).

Kết quả tra cứu tài khoản ngân hàng V của Võ Văn S, xác định vào lúc 07 giờ 32 phút ngày 31/10/2024, tài khoản của S có nhận 14.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng mang tên Võ Thị Thùy T - Chủ tiệm điện thoại H.

Ngày 06/11/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với S về tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chứng minh được, chủ cửa hàng điện thoại di động và chủ tiệm vàng C không biết tài sản do Võ Văn S đem bán là do lấy trộm mà có nên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị Kim T yêu cầu Võ Văn S bồi thường 17.675.000 đồng và chị Võ Thị Thùy T yêu cầu Võ Văn S bồi thường 3.700.000 đồng. Các khoảng này Võ Thị Tuyết N (vợ bị cáo) đã bồi thường xong, các bị hại không còn yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số: 15/CT-VKSND-TPV ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Võ Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 15/CT-VKSND-TPV ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Võ Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự đã xong; đề nghị bị cáo chịu án phí theo quy định và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tham gia tranh luận; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo đã nhận thức được*”

hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Bị cáo đã xâm hại tài sản của bị hại có giá trị được xác định là 28.217.000 đồng, đối chiếu với điều luật vừa nêu trên thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Võ Văn S về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã thực hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm đề răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố V phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*; năm 2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long phạt 01 năm tù về *“Tội trộm cắp tài sản”*; năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long phạt 01 năm 06 tháng tù về *“Tội trộm cắp tài sản”*, từ đó cho thấy bị cáo có nhân thân không tốt, đã được cải tạo, giáo dục mà không sửa đổi, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại

phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản nào khác, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Số tài sản thu hồi được đã trả cho bị hại, số không thu hồi được thì chị Bùi Thị Kim T yêu cầu Võ Văn S bồi thường 17.675.000 đồng và chị Võ Thị Thùy T yêu cầu Võ Văn S bồi thường 3.700.000 đồng. Các khoảng này do chị Võ Thị Tuyết N (vợ bị cáo) đã bồi thường xong, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không còn yêu cầu gì thêm và chị N cũng không yêu cầu gì đối với bị cáo, nên không phải xem xét.

[7] Bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy việc Kiểm sát viên đề nghị về mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, án phí và hình phạt bổ sung là hợp lý, nên Hội đồng chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Văn S - 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 31/10/2024.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Võ Văn S nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị T) vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THA DS thành phố V;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng**

